

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 15/9/2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị T Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh

Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án thụ lý số: **127/2021/TLST-HNGĐ** ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **18/2021/QĐXXST-HNGĐ**, ngày 12 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: **15/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 27/8/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Lò Thị T** - Sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản T L, xã T M, thành phố Đ B P, tỉnh Đ(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

* **Bị đơn:** Ông **Trần X C**- Sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản T L, xã T M, thành phố Đ B P, tỉnh Đ(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lò Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lò Thị T và ông Trần X C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Hần, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu vào ngày 03/6/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó do ông C đưa đòi theo chúng bạn dẫn đến nghiện ma túy không chịu chăm lo làm kinh tế và gia đình, càng ngày ông C càng nghiện, những lần ông C cần tiền đi mua ma túy đòi bà T không cho ông C đã đánh bà T. Đầu tháng 7 năm 2021 bà T đã đưa hai con về bên mẹ đẻ ở cho tới nay. Từ đó cho tới nay bà T không còn quan tâm đến ông C. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy bà T làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Trần Xuân C.

- Về con chung: Bà Lò Thị T và ông Trần X C có 02 con chung: Cháu thứ nhất

Trần V A, sinh ngày 10/9/2007; cháu thứ hai Trần G B, sinh ngày 01/5/2012. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

- Về tài sản, về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Tại bản tự khai ngày 08/6/2021 bị đơn ông Trần X C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông C và bà T lấy nhau có đăng ký kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2006 kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng ông C, bà T chung sống hạnh phúc đến năm 2020, trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nghiêm trọng nhất là do ông C làm mất niềm tin với bà Hương là do ông C đưa đòi theo chúng bạn có sử dụng ma túy nhưng chưa đến mức nghiện. Bản thân ông C rất T vợ T con, ông C cũng nhìn ra các sai phạm của mình và mong muốn vợ ông thông cảm cho ông C. Ông Trần X C không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Ông C và bà T có 02 con chung: Cháu thứ nhất Trần V A, sinh ngày 10/9/2007; cháu thứ hai Trần G B, sinh ngày 01/5/2012. Nếu bà T vẫn cương quyết ly hôn thì ông C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ngày 01/6/2021, sau khi thụ lý vụ án theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Lò Thị T. Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 127/2021/TLST- HNGĐ ngày 01/6/2021 ông Trần X C nhận thông báo đến ngày 08/6/2021 ông C có Bản tự khai và ngày 14/6/2021 ông C nhận Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, đến hồi 14 giờ 30 phút ngày 24/6/2021 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải ông C vắng mặt không có lý do, Tòa án xuống tổng đạt trực tiếp cho ông Cương. Tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng ông C không có mặt ở nhà. Tòa án đã làm việc với Trưởng bản nơi ông C cư trú thì Trưởng bản Tà Lèng, xã Thanh Minh cho biết ông C đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bản T L, xã T M, thành phố Đ B P, tỉnh Đnhưng hiện nay ông C đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy ông C đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Do vậy, Toà án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại phiên tòa ông C vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 15/9/2021. Tất cả các thủ tục như: Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Lò Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần X C và giải quyết cho bà được nuôi hai con chung theo nội dung đơn xin ly hôn bà T đã trình bày và nộp tại tòa ngày 16/5/2021.

Hai con chung Trần V A, sinh ngày 10/9/2007 và Trần G B, sinh ngày 01/5/2012 đều có đơn trình bày nguyện vọng xin ở với bà Lò Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 16/5/2021 bà Lò Thị T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với ông Trần X C có địa chỉ tại Bản Tà Lèng, xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ngày 31/5/2021 bà T đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Huệ theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa bà Lò Thị T và ông Trần X C có nơi đăng ký NKTT tại Bản T L, xã T M, thành phố Đ B P, tỉnh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS. Tại phiên tòa ông Trần X C vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông C.

Tại phiên tòa, bà Lò Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Bà Lò Thị T và ông Trần X C kết hôn ngày 03/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Hần, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu vào ngày 03/6/2006. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông C đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống bà T và ông C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C đua đòi theo chúng bạn dẫn đến nghiện ma túy không chịu chăm lo làm kinh tế và gia đình, càng ngày ông C càng nghiện, những lần ông C cần tiền đi mua ma túy đòi bà T, bà T không đưa tiền cho ông C đã đánh bà T. Đầu tháng 7

năm 2021 bà T đã đưa hai con về bên mẹ để ở cho tới nay. Từ đó cho tới nay bà T không còn quan tâm đến ông C. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Trần Xuân C. Về phía ông C cũng công nhận trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nghiêm trọng nhất là do ông C làm mất niềm tin với bà T, vì ông C đưa đòi theo chúng bạn có sử dụng ma túy nhưng chưa đến mức nghiện. Bản thân ông C rất T vợ T con, ông C cũng nhìn ra các sai phạm của mình và mong muốn bà T thông cảm cho ông. Ông Trần X C không nhất trí ly hôn. Tại các buổi Tòa án thông báo tiếp cận chứng cứ và hòa giải ông C không đến điều đó đã thể hiện ông C chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ với bà T, nên bà T đã có đơn xin từ chối việc hòa giải tiếp theo. Tại phiên tòa hôm nay, ông C vắng mặt tại phiên tòa, điều đó thể hiện ông C không có thiện chí trong việc giải quyết vụ án và tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình trước Hội đồng xét xử. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho bà Lò Thị T được ly hôn với ông Trần X C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Xét về con chung: Đơn khởi kiện ngày 16/5/2021 bà Lò Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung: Cháu thứ nhất Trần V A, sinh ngày 10/9/2007; cháu thứ hai Trần G B, sinh ngày 01/5/2012 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T ngoài làm ruộng ra bà còn đi chợ bán thêm hàng thu nhập 5.000.000 đồng/1 tháng đảm bảo để nuôi hai con chung ăn học.

Tại bản tự khai ông C cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi hai con chung. Ông C không cung cấp được thu nhập để bảo đảm việc nuôi hai con chung.

Hai cháu Trần V A và cháu Trần G B đã có bản tự khai, nguyện vọng của các cháu muốn ở với bà Lò Thị T.

Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin nuôi con chung của bà T là có căn cứ, do vậy HĐXX chấp nhận giao 02 con chung cháu thứ nhất là Trần V A, sinh ngày 10/9/2007; cháu thứ hai Trần G B, sinh ngày 01/5/2012 bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lò Thị T và ông Trần X C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên việc cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về tài sản:

Tài sản; về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273; khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lò Thị T được ly hôn với ông Trần Xuân C.

2. Về con chung: Giao hai con chung cháu thứ nhất là Trần V A, sinh ngày 10/9/2007; cháu thứ hai Trần G B, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Lò Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi hai cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài, về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lò Thị T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số: 0001553 ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự bà Lò Thị T và ông Trần Xuân Cương vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Nậm Hần, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị T Huyền